

# TƯ DUY CHIẾN LƯỢC ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG QUA “BA TRỤ CỘT” QUỐC PHÒNG - AN NINH - ĐỐI NGOẠI TRONG DỰ THẢO VĂN KIỆN ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIV

TRẦN THẮNG LONG<sup>(\*)</sup>

Ngày nhận bài: 10/12/2025 Ngày thẩm định: 12/12/2025 Ngày duyệt đăng: 24/12/2025

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến nhanh chóng, phức tạp, tư duy đối ngoại của Đảng tiếp tục được bổ sung, phát triển theo hướng toàn diện và chủ động hơn. Dự thảo Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng lần đầu tiên xác định “đối ngoại, hội nhập quốc tế” đặt ngang hàng với quốc phòng, an ninh, thể hiện sự chuyển biến quan trọng trong nhận thức của Đảng về bảo vệ và phát triển đất nước trong tình hình mới. Cách tiếp cận “ba trụ cột” (quốc phòng - an ninh - đối ngoại) phản ánh tư duy chiến lược coi đối ngoại là bộ phận cấu thành quan trọng của chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

**Từ khóa:** ba trụ cột; chiến lược quốc gia; Đại hội lần thứ XIV của Đảng; đối ngoại; hội nhập quốc tế

**1. Đặt vấn đề**  
Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, vai trò của đối ngoại trong chiến lược quốc gia đã mở rộng đáng kể so với cách tiếp cận truyền thống. Nếu trước đây, đối ngoại chủ yếu được nhìn nhận như công cụ duy trì quan hệ giữa các quốc gia, thì ngày nay, đối ngoại ngày càng được coi là phương thức quan trọng để kiến tạo môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ nguồn lực bên ngoài và bảo vệ lợi ích quốc gia bằng các biện pháp hòa bình. Sự thay đổi này phản ánh xu thế mở rộng nội hàm an ninh quốc gia, trong đó các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội và đối ngoại có mối liên hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau.

Trong lý thuyết quan hệ quốc tế đương đại, nhiều cách tiếp cận đã góp phần lý giải sự chuyển biến đó. Khái niệm “quyền lực mềm” do Joseph Nye phát triển nhấn mạnh khả năng thu hút và thuyết phục thông qua các giá trị văn hóa, chính trị và chính sách đối ngoại, thay vì chỉ dựa vào sức mạnh quân sự và kinh tế mang tính cưỡng chế<sup>(1)</sup>. Quyền lực mềm được xem như một dạng năng lực giúp quốc gia đạt được mục tiêu thông qua sức hấp dẫn và sự đồng thuận, đặc biệt có ý nghĩa đối với các quốc gia vừa và nhỏ trong việc định vị vai trò đối ngoại và bảo vệ lợi ích quốc gia. Bên cạnh đó, lý thuyết về “phức hợp an ninh khu vực” chỉ ra rằng, an ninh của một quốc gia không thể được xem xét tách rời khỏi bối cảnh khu vực và toàn cầu, đòi hỏi các quốc gia phải xây dựng chiến lược đối ngoại linh hoạt, đa chiều, kết hợp nhiều công cụ khác nhau trong một chỉnh thể thống nhất<sup>(2)</sup>.

<sup>(\*)</sup> PGS, TS, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

Thực tiễn quốc tế cho thấy, việc đặt đối ngoại ở vị trí ngày càng quan trọng trong chiến lược quốc gia đã trở thành xu hướng phổ biến. Singapore, dưới thời Thủ tướng Lý Quang Diệu, đã sớm nhận thức được vai trò then chốt của ngoại giao trong việc bù đắp những hạn chế về địa lý và quy mô dân số, thông qua chiến lược “cân bằng” kết hợp chặt chẽ giữa ngoại giao kinh tế, ngoại giao quốc phòng và tham gia tích cực vào các thể chế đa phương<sup>(3)</sup>. Indonesia thúc đẩy mô hình “ngoại giao toàn dân”, trong đó không chỉ nhà nước mà nhiều chủ thể xã hội cùng tham gia vào hoạt động đối ngoại, qua đó gia tăng ảnh hưởng trong ASEAN và tranh thủ hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển<sup>(4)</sup>. Đối với Trung Quốc, chính sách cải cách mở cửa do Đặng Tiểu Bình khởi xướng không chỉ là cải cách kinh tế, mà còn là sự điều chỉnh chiến lược đối ngoại theo hướng chủ động hội nhập quốc tế; các sáng kiến hợp tác kinh tế quy mô lớn sau này tiếp tục cho thấy việc sử dụng đối ngoại như một công cụ quan trọng để mở rộng không gian phát triển và bảo vệ lợi ích chiến lược<sup>(5)</sup>.

Từ các tiếp cận lý luận và kinh nghiệm quốc tế, có thể thấy, việc định vị đối ngoại trong chiến lược quốc gia là vấn đề mang tính tư duy chiến lược, phản ánh cách thức mỗi quốc gia nhận thức và xử lý mối quan hệ giữa an ninh, phát triển và hội nhập trong bối cảnh toàn cầu hóa. Từ đó, tư duy đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước được bổ sung, phát triển và đặt trong mối quan hệ hữu cơ với quốc phòng và an ninh, gắn với thực tiễn gần 40 năm đổi mới và yêu cầu bảo vệ, phát triển đất nước trong tình hình mới.

## **2. Thực tiễn phát triển tư duy đối ngoại của Đảng qua gần 40 năm đổi mới**

*Một là, đối ngoại góp phần phá thế bao vây cấm vận (giai đoạn 1986 - 1995)*

Đại hội lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986) đánh dấu bước ngoặt lịch sử trong tư duy phát triển của Việt Nam với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đổi mới tư duy”<sup>(6)</sup>. Trong bối cảnh đất nước đối mặt với khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng và

thế bao vây cấm vận, Nghị quyết số 13/NQ-TW ngày 20/5/1988 của Bộ Chính trị “về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới” đã thể hiện sự đổi mới tư duy mạnh mẽ trong đánh giá tình hình thế giới và chuyển hướng toàn bộ chiến lược đối ngoại<sup>(7)</sup>. Từ đó, Việt Nam từng bước phá thế bao vây cấm vận và triển khai đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Giai đoạn này đã đánh dấu những bước đi đột phá: rút quân khỏi Campuchia (năm 1989), bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc (năm 1991), thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên minh châu Âu và các nước ASEAN, đặc biệt là gia nhập ASEAN (năm 1995) và bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ (năm 1995). Những thành công này không chỉ giúp Việt Nam thoát khỏi thế cô lập, mà còn mở đường cho hội nhập kinh tế quốc tế trong những giai đoạn tiếp theo.

*Hai là, đối ngoại góp phần mở rộng quan hệ và hội nhập kinh tế quốc tế (giai đoạn 1995 - 2010)*

Sau khi gia nhập ASEAN và bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ, Việt Nam bước vào giai đoạn mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 12/7/2003 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX “về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” là dấu mốc quan trọng với quan điểm mới về đối tác - đối tượng, về hợp tác và đấu tranh. Theo đó, Việt Nam đã nỗ lực gia tăng điểm đồng, hóa giải điểm khác biệt, thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ với các nước, đặc biệt là việc thiết lập mạng lưới “đối tác chiến lược”, “đối tác chiến lược toàn diện”. Giai đoạn này chứng kiến nhiều thành tựu nổi bật: gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (năm 2007), ký kết hàng loạt hiệp định thương mại tự do (FTA), thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với nhiều nước lớn, như Nga (năm 2001), Nhật Bản (năm 2006), Ấn Độ (năm 2007). Đặc biệt, vai trò của Việt Nam trong ASEAN ngày càng được nâng cao, thể hiện qua việc đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN lần đầu

tiên (năm 1998) và được bầu làm ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009<sup>(8)</sup>.

Tuy nhiên, trong giai đoạn này, đối ngoại vẫn chủ yếu được coi là công cụ hỗ trợ phát triển kinh tế, chưa được đặt ở vị trí ngang hàng với quốc phòng, an ninh trong chiến lược quốc gia. Nhận thức về vai trò đa chiều của đối ngoại trong bảo vệ lợi ích quốc gia vẫn còn hạn chế.

*Ba là, đối ngoại để hội nhập toàn diện và nâng tầm quan hệ (giai đoạn 2011 - 2025)*

Đại hội lần thứ XII của Đảng đã đề ra phương châm chủ động và tích cực đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương. Tiếp đó, Đại hội lần thứ XIII của Đảng đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tư duy đối ngoại với chủ trương triển khai đồng bộ và toàn diện, có hiệu quả các hoạt động đối ngoại trên tất cả các kênh song phương và đa phương<sup>(9)</sup>.

Việt Nam đã nâng cấp quan hệ với nhiều đối tác lên Đối tác chiến lược toàn diện (Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ, Australia, Pháp...); thành công trong vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2020; đảm nhiệm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020 - 2021; được bầu vào Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc lần thứ nhất năm 2013 và tháng 9/2025 đăng cai tổ chức Lễ mở ký Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng (Công ước Hà Nội). Ngoại giao đa phương góp phần đưa Việt Nam từ nước bị bao vây, cô lập trở thành một thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

### **3. Nội dung tư duy chiến lược đối ngoại của Đảng qua “ba trụ cột” trong Dự thảo Văn kiện Đại hội lần thứ XIV**

Dự thảo Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng đánh dấu bước nhảy vọt trong nhận thức về vai trò chiến lược của đối ngoại. Lần đầu tiên trong lịch sử, “đối ngoại, hội nhập quốc tế” được đặt ngang hàng với quốc phòng, an ninh, trở thành nhiệm vụ “trọng yếu, thường xuyên” của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Sự thay đổi này không chỉ là về địa vị, mà còn về nhận thức bản chất<sup>(10)</sup>. Nếu trước đây đối ngoại chủ

yếu được coi là công cụ để phục vụ phát triển kinh tế, tranh thủ nguồn lực bên ngoài, thì hiện nay, đối ngoại được nhận thức như một trụ cột quan trọng trong chiến lược bảo vệ và phát triển Tổ quốc, có vai trò “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa”. Việc tăng cường hoạt động đối ngoại trong một môi trường an ninh bên ngoài phức tạp và biến động góp phần xây dựng thêm mạng lưới bạn bè tốt, giảm thiểu những tác động, biến động khó lường. Đồng thời, khi Việt Nam có được mối quan hệ ổn định ở bên ngoài, đặc biệt là các quan hệ chiến lược, sẽ phục vụ cho sự phát triển của đất nước<sup>(11)</sup>.

*Thứ nhất, đối ngoại tích hợp, đa chiều trong “ba trụ cột”: quốc phòng - an ninh - đối ngoại bảo đảm an ninh quốc gia và lợi ích dân tộc*

Trong mô hình “ba trụ cột”, quốc phòng, an ninh và đối ngoại có mối quan hệ biện chứng, mỗi trụ cột vừa là điều kiện, vừa là kết quả của hai trụ cột còn lại, hỗ trợ và bổ sung cho nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất trong chiến lược bảo vệ và phát triển Tổ quốc.

Quốc phòng đóng vai trò nền tảng với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ quốc gia và tạo sức mạnh răn đe. Năng lực quốc phòng vững mạnh không chỉ ngăn chặn các mối đe dọa quân sự từ bên ngoài, mà còn tạo “thế” cho hoạt động ngoại giao. Ngược lại, ngoại giao thành công giúp hạn chế chi phí quốc phòng và tập trung nguồn lực cho phát triển.

An ninh giữ vai trò bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, duy trì trật tự và an toàn trong nước, là điều kiện tiên quyết cho mọi hoạt động phát triển kinh tế và mở rộng quan hệ đối ngoại. An ninh ổn định là nền tảng để triển khai các cam kết quốc tế; đồng thời, hội nhập quốc tế sâu rộng góp phần nâng cao năng lực ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống, như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia. An ninh còn là nền tảng để triển khai hiệu quả các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế và bảo vệ lợi ích của công dân, doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài. Nếu quốc phòng và an ninh là những “lá chắn” bảo vệ Tổ quốc, thì đối ngoại chính là “tuyến phòng thủ đầu tiên”,

chủ động hóa giải mâu thuẫn, xây dựng lòng tin chiến lược và giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình. Tư duy này phản ánh nhận thức rằng, trong thế kỷ XXI, an ninh quốc gia không chỉ là vấn đề quân sự thuần túy, mà đã mở rộng sang nhiều chiều cạnh: an ninh kinh tế, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng, an ninh môi trường. Đối ngoại, với khả năng kết nối và huy động hợp tác quốc tế, trở thành công cụ không thể thay thế để ứng phó với những thách thức đa chiều này.

Dự thảo Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng chỉ rõ, đối ngoại và hội nhập quốc tế là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị,... kết hợp nâng cao hiệu quả của ngoại giao văn hóa, quốc phòng, an ninh; chú trọng các hoạt động quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam<sup>(12)</sup>. Cơ chế “ba trụ cột” này sẽ phát huy tác dụng chủ động khai thác cơ hội, ứng phó kịp thời, hiệu quả với các thách thức, từ đó tạo cơ sở để thu hút vốn, công nghệ, nguồn lực quốc tế và gia tăng sức mạnh, tiềm lực cho đất nước. Đây là cách tiếp cận tổng thể, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, khi các mối đe dọa an ninh ngày càng đa dạng, phức tạp, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều lĩnh vực. Đặc biệt, trong mô hình “ba trụ cột”, đối ngoại được giao vai trò “tiên phong”. Dự thảo Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng nêu rõ phải tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại; phối hợp chặt chẽ với quốc phòng, an ninh, các ngành, các cấp, các địa phương chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột, tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, tranh thủ các nguồn lực và điều kiện thuận lợi bên ngoài cho sự phát triển đất nước.

*Thứ hai, đổi mới về nội dung và phương thức đối ngoại*

Để đáp ứng vai trò mới, Dự thảo Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng đề ra định hướng đổi mới nội dung và phương thức đối ngoại.

Về nội dung, hai trọng tâm mới được nhấn mạnh trong Dự thảo Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng là ngoại giao kinh tế và ngoại giao công nghệ. Điều này thể hiện tư duy mới

về gắn kết ngoại giao với phát triển<sup>(13)</sup>. Ngoại giao kinh tế tập trung vào việc tranh thủ vốn đầu tư, công nghệ, thị trường, trong khi ngoại giao công nghệ nhằm tiếp cận, chuyển giao và làm chủ công nghệ hiện đại - yếu tố then chốt cho phát triển lực lượng sản xuất mới trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Việc xác định ngoại giao kinh tế và ngoại giao công nghệ làm trọng tâm phản ánh sự chuyển đổi mô hình tăng trưởng của Việt Nam. Trong bối cảnh cuộc đua tranh công nghệ toàn cầu ngày càng gay gắt, việc tiếp cận công nghệ nguồn, công nghệ lõi không còn là vấn đề thương mại đơn thuần, mà trở thành vấn đề chiến lược quốc gia. Ngoại giao công nghệ đóng vai trò then chốt trong việc thiết lập các quan hệ đối tác công nghệ chiến lược, xây dựng cơ chế hợp tác nghiên cứu phát triển (R&D), tạo điều kiện để doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị công nghệ cao toàn cầu. Ngoại giao kinh tế không chỉ dừng lại ở việc ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA), mà còn hướng tới việc nâng cấp vị thế của Việt Nam trong các chuỗi cung ứng toàn cầu, thu hút đầu tư chất lượng cao vào các ngành công nghiệp mũi nhọn, như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, năng lượng tái tạo. Qua đó, đối ngoại phục vụ trực tiếp cho mục tiêu phát triển lực lượng sản xuất mới và hiện thực hóa khát vọng trở thành nước phát triển vào năm 2045.

Về phương thức, Dự thảo Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng nhấn mạnh triển khai đồng bộ ba trụ cột: đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân<sup>(14)</sup>. Mỗi trụ cột đảm nhận chức năng riêng, nhưng bổ trợ lẫn nhau: đối ngoại Đảng tạo nền tảng chính trị và định hướng chiến lược; ngoại giao Nhà nước thực thi chính sách thông qua các kênh chính thức; còn đối ngoại nhân dân mở rộng quan hệ hữu nghị, xây dựng nền tảng xã hội và tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế. Sự phối hợp nhịp nhàng giữa ba trụ cột này tạo nên sức mạnh tổng hợp cho nền ngoại giao toàn diện, hiện đại. Đây không phải là quan điểm mới, nhưng được đẩy mạnh với yêu cầu cao hơn về sự phối

hợp, đồng bộ. Đặc biệt, vai trò của “ngoại giao nguyên thủ, cấp cao” được đề cao, cùng với việc đa dạng hóa các phương thức ngoại giao khác, như ngoại giao chuyên ngành, ngoại giao văn hóa, ngoại giao địa phương.

Dự thảo Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng nhấn mạnh sự gắn kết chặt chẽ và tiếp nối giữa đối ngoại với các đột phá chiến lược khác đã được xác định từ Đại hội XIII của Đảng<sup>(15)</sup>, đặc biệt là đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển kinh tế tư nhân và xây dựng kết cấu hạ tầng.

#### **4. Ý nghĩa của quan điểm mới đối với Việt Nam trong giai đoạn hiện nay**

##### *Thứ nhất, về lý luận*

Việc đặt đối ngoại ngang hàng với quốc phòng, an ninh đánh dấu bước phát triển mới trong tư duy của Đảng về an ninh quốc gia và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện sự chuyển đổi từ quan niệm an ninh truyền thống (tập trung vào quân sự, lãnh thổ) sang quan niệm an ninh toàn diện, trong đó, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, an ninh mạng, an ninh con người được coi trọng ngang với an ninh quân sự. Sự chuyển đổi này phù hợp với xu hướng phát triển của lý thuyết quan hệ quốc tế đương đại, khi khái niệm an ninh đã được mở rộng vượt ra ngoài phạm vi quân sự thuần túy để bao hàm cả những chiều cạnh phi truyền thống, như biến đổi khí hậu, dịch bệnh xuyên biên giới, an ninh năng lượng và an ninh lương thực. Trong bối cảnh đó, đối ngoại không đơn thuần là công cụ hỗ trợ, mà trở thành phương thức chủ động để ứng phó với những thách thức đa chiều mà không một quốc gia đơn lẻ nào có thể tự mình giải quyết.

Quan điểm này là sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao vào điều kiện mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định, ngoại giao cũng là một mặt trận: “Thực lực mạnh, ngoại giao sẽ thắng lợi. Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn”<sup>(16)</sup>. Quan điểm này góp phần hoàn thiện hệ thống lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội Việt Nam, khẳng định trong thời kỳ

toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không thể tách rời hệ thống quan hệ quốc tế, phải chủ động, tích cực hội nhập và giữ vững độc lập, tự chủ.

Việc khẳng định ba trụ cột là nhiệm vụ “trọng yếu, thường xuyên” thể hiện sự phát triển sáng tạo quan điểm về bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, khái niệm an ninh quốc gia đã được mở rộng bao gồm cả an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, an ninh mạng, an ninh phi truyền thống. Đối ngoại, với vai trò kiến tạo môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ nguồn lực bên ngoài và ngăn ngừa xung đột từ sớm, từ xa, trở thành một công cụ không thể thiếu trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc toàn diện. Cần nhận thức, đối ngoại ngày nay không chỉ là công cụ hỗ trợ, mà đã trở thành “tuyến phòng thủ đầu tiên” của quốc gia - giúp ngăn ngừa chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa. Nếu quốc phòng và an ninh là “lá chắn” bảo vệ chủ quyền, thì đối ngoại chính là “mũi nhọn” mở đường, tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài cho phát triển đất nước.

##### *Thứ hai, về thực tiễn*

Sự thay đổi này phản ánh chính xác vai trò mà đối ngoại đã đóng góp cho sự nghiệp đổi mới và phát triển của đất nước trong gần 40 năm qua. Dự thảo Báo cáo chính trị đánh giá đối ngoại là một trong những động lực quan trọng nhất góp phần vào thành công của phát triển đất nước ngày nay<sup>(17)</sup>. Đối ngoại đã góp phần phá thế bao vây cấm vận, mở rộng quan hệ quốc tế, tranh thủ nguồn vốn, công nghệ, thị trường cho phát triển kinh tế, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Đặc biệt, trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị, địa kinh tế toàn cầu ngày càng gay gắt, vai trò của đối ngoại trong việc duy trì môi trường hòa bình, ổn định, bảo vệ lợi ích quốc gia càng trở nên thiết yếu. Việc đặt đối ngoại ngang hàng với quốc phòng, an ninh thể hiện nhận thức sâu sắc rằng, bảo vệ Tổ quốc trong thời đại mới không chỉ là nhiệm vụ của lực lượng

vũ trang, mà còn đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa nhiều lĩnh vực, trong đó, đối ngoại đóng vai trò quan trọng hàng đầu.

Quan điểm mới này tác động sâu rộng đến nhiều khía cạnh, cần chú trọng các nội dung sau: (1) Tái cấu trúc hệ thống tổ chức và hoạt động đối ngoại với nguồn lực tương xứng. (2) Tạo cơ sở cho việc nâng cao năng lực lực lượng ngoại giao. (3) Thúc đẩy sự phối hợp liên ngành chặt chẽ hơn. (4) Nâng cao nhận thức của toàn xã hội về tầm quan trọng của đối ngoại. Với vị trí mới của đối ngoại, chiến lược phát triển quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 sẽ có những điểm nhấn mới. Mục tiêu “đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân từ 10%/năm trở lên”, trong đó mục tiêu “GDP bình quân đầu người đạt khoảng 8.500 USD” vào năm 2030 đòi hỏi phải tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài - vốn đầu tư, công nghệ, thị trường. Đối ngoại, với vai trò “tiên phong”, sẽ là công cụ then chốt để đạt được những mục tiêu này.

### 5. Kết luận

Việc Dự thảo Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng lần đầu tiên khẳng định “đối ngoại, hội nhập quốc tế” đặt ngang hàng với quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ “trọng yếu, thường xuyên” đánh dấu bước đột phá trong tư duy chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò đối ngoại. Đây không chỉ là sự khẳng định đóng góp to lớn của đối ngoại trong gần 40 năm đổi mới, mà còn là định hướng chiến lược quan trọng cho giai đoạn mới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mô hình “ba trụ cột” (quốc phòng - an ninh - đối ngoại) thể hiện cách tiếp cận tổng thể, tích hợp về an ninh quốc gia và phát triển bền vững, phù hợp với xu thế thời đại và đặc điểm quốc gia. Theo đó, đối ngoại giữ vai trò “tiên phong” trong việc tạo lập môi trường hòa bình, ổn định, ngăn ngừa xung đột từ sớm, từ xa và tranh thủ nguồn lực bên ngoài cho phát triển đất nước, đặc biệt là đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cũng như phát triển kinh tế tư nhân. Sự liên kết này tạo ra sức mạnh tổng hợp, giúp Việt Nam có thể đạt được các mục tiêu

phát triển đầy tham vọng: trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao vào năm 2030, nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045. Để hiện thực hóa tư duy chiến lược đối ngoại trong Dự thảo Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó trọng tâm là đầu tư nguồn lực thỏa đáng, xây dựng hệ sinh thái tri thức, hoàn thiện cơ chế phối hợp và tiếp tục đổi mới đường lối đối ngoại □

(1) Nye, J. S, *Soft Power: The Means to Success in World Politics*, Public Affairs, New York, 2004

(2) Buzan, B. & Wæver, O, *Regions and Powers: The Structure of International Security*, Cambridge University Press, Cambridge, 2003

(3) Lee, K. Y, *From Third World to First: The Singapore Story 1965-2000*, HarperCollins, New York, 2000

(4) Anwar, D. F, “*The Impact of Domestic and Asian Regional Changes on Indonesian Foreign Policy*”, Southeast Asian Affairs, 2010 (1), pp.126-141

(5) Rolland, N, *China's Eurasian Century? Political and Strategic Implications of the Belt and Road Initiative*, National Bureau of Asian Research, Seattle, 2017

(6) Thu Hà, *Bài học từ đổi mới tư duy của Đảng năm 1986*, <https://vietnamnet.vn>, ngày 08/11/2021

(7) Xem: *Tư liệu Văn kiện Đảng, Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn>, ngày 30/9/2015

(8) ThS. Lê Văn Phong, *Quá trình bổ sung, hoàn thiện đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới*, <https://lyluanchinhtri.vn>, ngày 07/5/2015

(9) GS, TS. Phạm Quang Minh, TS. Nguyễn Hồng Hải, *Vấn đề “đối tác” và “đối tượng” trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng: Từ nhận thức đến thực tế*, <https://www.tapchicongsan.org.vn>, ngày 24/6/2021

(10) Diệp Viên, *Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV: Thể hiện rõ khát vọng lớn, quyết tâm cao của Đảng*, <https://baodongnai.com.vn>, ngày 10/9/2025

(11) Hồ Diệp, *Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV: Kế thừa và phát triển tư duy đối ngoại của Đảng*, <https://vov.vn>, ngày 30/10/2025

(12), (13), (14), (15) và 17 *Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội XIV của Đảng*, <https://chinhphu.vn>, ngày 15/10/2025

(16) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.147